

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Hướng dẫn thực hiện đấu thầu theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;

Để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với Việt Nam; Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện đấu thầu theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại

tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hoạt động mua sắm công (hoạt động lựa chọn nhà thầu) thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi là Hiệp định CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (sau đây gọi là Hiệp định EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (sau đây gọi là Hiệp định UKVFTA) đối với gói thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có giá gói thầu bằng hoặc cao hơn ngưỡng giá nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;

b) Thuộc dự án, dự toán của cơ quan mua sắm được liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;

c) Cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc kết hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;

d) Không thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này và các trường hợp loại trừ nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này.

2. Nghị định này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Các hoạt động chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, mua hoặc thuê nhà, trụ sở, bất động sản hoặc các quyền liên quan đến các hoạt động này;

b) Các thỏa thuận không hình thành hợp đồng; các khoản hỗ trợ của Chính phủ, cơ quan mua sắm bao gồm: thỏa thuận hợp tác, viện trợ không hoàn lại, khoản vay, huy động vốn bằng cổ phiếu, khoản bảo lãnh, trợ cấp, ưu đãi tài chính và thỏa thuận tài trợ;

c) Các dịch vụ lưu ký hoặc uỷ thác tài chính; các dịch vụ thanh toán nợ và quản lý đối với các tổ chức tín dụng; các dịch vụ liên quan đến bán, mua lại và phân bổ nợ công, bao gồm các khoản vay và trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá và các chứng khoán khác;

d) Gói thầu thuộc một trong các trường hợp sau:

Gói thầu của cơ quan mua sắm nhằm cung cấp hỗ trợ quốc tế bao gồm cả viện trợ phát triển;

Gói thầu được tài trợ bởi tổ chức quốc tế hoặc sử dụng viện trợ không hoàn lại, khoản vay, hỗ trợ khác từ nước ngoài hoặc quốc tế có yêu cầu áp dụng các quy định hoặc điều kiện về lựa chọn nhà thầu của tổ chức, nhà tài trợ quốc tế đó. Trường hợp các quy định về lựa chọn nhà thầu của tổ chức hay nhà tài trợ quốc tế không hạn chế sự tham dự của các nhà thầu, việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này;

Gói thầu được thực hiện theo quy định cụ thể của một thỏa thuận quốc tế liên quan đến việc đóng quân hoặc việc các Nước thành viên cùng triển khai một dự án;

đ) Gói thầu mua sắm hàng hoá hoặc dịch vụ để sử dụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan mua sắm* là cơ quan, tổ chức được liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này được giao làm chủ đầu tư của dự án, dự toán mua sắm.

2. *Nước thành viên* là quốc gia, vùng lãnh thổ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018; đối với quốc gia, vùng lãnh thổ ký kết Hiệp định CPTPP sau ngày 08 tháng 3 năm 2018, Hiệp định CPTPP đã có hiệu lực với quốc gia, vùng lãnh thổ đó và Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường mua sắm công với quốc gia, vùng lãnh thổ này (sau đây gọi là Nước thành viên Hiệp định CPTPP);

b) Ký kết, áp dụng Hiệp định EVFTA (sau đây gọi là Nước thành viên EVFTA);

c) Ký kết, áp dụng Hiệp định UKVFTA (sau đây gọi là Nước thành viên UKVFTA).

3. *Dịch vụ xây dựng* là dịch vụ quy định tại mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên Hợp Quốc.

4. *Dịch vụ* bao gồm dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ xây dựng.

5. *Đấu thầu nội khối* là hoạt động đấu thầu mà chỉ có nhà thầu nội khối được tham dự thầu.

6. *Đấu thầu quốc tế* là hoạt động đấu thầu mà nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài được tham dự thầu.

7. *Nhà thầu trong nước* là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân mang quốc tịch Việt Nam tham dự thầu.

8. *Nhà thầu nội khối* là tổ chức được thành lập theo pháp luật của Nước thành viên hoặc là cá nhân mang quốc tịch Nước thành viên tham dự thầu tại Việt Nam.

9. *Nhà thầu nước ngoài* là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân mang quốc tịch nước ngoài tham dự thầu tại Việt Nam.

10. *Mua sắm công* là quá trình lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và giải pháp khả thi để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc kết hợp các lĩnh vực này vì mục đích công và không nhằm mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại hoặc sử dụng trong việc sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ vì mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

11. Các từ ngữ không được liệt kê ở Điều này được giải thích theo Luật Đấu thầu.

Điều 4. Đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế

1. Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, chủ đầu tư tổ chức đấu thầu nội khối theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, trừ trường hợp người có thẩm quyền xét thấy cần tổ chức đấu thầu quốc tế để mở rộng phạm vi nhà thầu được tham dự thầu.

2. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu cung cấp dịch vụ, cơ quan mua sắm thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu;

b) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu;

c) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ thuộc mã CPC 75231 (các dịch vụ mạng dữ liệu), CPC 75232 (các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử), CPC 84 (dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan) quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định

này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu trong nước tham dự thầu;

d) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA tham dự thầu.

3. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, cơ quan mua sắm thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm chỉ cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ tất cả Nước thành viên và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại Nước thành viên và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác;

b) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu nội khối hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu. Trường hợp cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ tất cả Nước thành viên và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại Nước thành viên và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác. Trường hợp chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ các Nước thành viên Hiệp định CPTPP và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại các Nước thành viên Hiệp định CPTPP và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác;

c) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu nội khối hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA tham dự thầu. Trường hợp cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ tất cả Nước thành viên và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại Nước thành viên và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác. Trường hợp chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước

thành viên Hiệp định UKVFTA tham dự thầu, hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ hàng hóa từ các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA và có thể bổ sung xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ khác; được yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại các Nước thành viên Hiệp định EVFTA, các Nước thành viên Hiệp định UKVFTA và có thể bổ sung yêu cầu trụ sở chính của hãng sản xuất đặt tại nhóm nước, vùng lãnh thổ khác.

4. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu hỗn hợp, cơ quan mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này (đối với yêu cầu về nhà thầu) và khoản 3 Điều này (đối với yêu cầu về xuất xứ hàng hóa).

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử

Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:

a) Đối xử bình đẳng giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên với hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu trong nước;

b) Đối xử bình đẳng giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên;

c) Đối xử bình đẳng giữa các nhà thầu trong nước với nhau, không phụ thuộc vào việc nhà thầu có cổ phần, vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài hoặc phụ thuộc về mặt tổ chức với nước ngoài.

2. Quy tắc xuất xứ

Xuất xứ của hàng hóa trong gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này được xác định theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

3. Biện pháp ưu đãi trong nước

Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, cơ quan mua sắm được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này. Sau khoảng thời gian quy định tại Điều 10 của Nghị định này, cơ quan mua sắm không được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước.

Điều 6. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của cơ quan nhà nước, cơ quan có thẩm quyền ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật đấu thầu.

4. Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.

Điều 7. Thông tin về đấu thầu và trách nhiệm đăng tải thông tin

1. Các thông tin phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:

- a) Thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu;
- b) Nội dung tóm tắt bằng tiếng Anh của thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu của gói thầu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục III kèm theo Nghị định này, trong đó có thông tin về hàng hóa hoặc dịch vụ cần mua sắm, thời điểm đóng thầu, địa chỉ cung cấp tài liệu liên quan tới gói thầu. Việc đăng tải được thực hiện sau khi Liên minh Châu Âu hoàn tất việc hỗ trợ kỹ thuật, tài chính để xây dựng và duy trì hệ thống tự động dịch và đăng tải các thông báo tóm tắt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Việc đăng tải thông tin về đấu thầu thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Nội dung thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu bao gồm cả thông tin về việc gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA.

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu

1. Đối với đấu thầu nội khối, ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu là tiếng Việt hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.

2. Đối với đấu thầu quốc tế, ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.

Điều 9. Thời gian lựa chọn nhà thầu

1. Đối với đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn, thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là 25 ngày, kể từ ngày đăng tải thông báo mời quan tâm hoặc thông báo mời sơ tuyển đến ngày có thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm thấy rằng khoảng thời gian trên là không khả thi thì thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển có thể giảm xuống tối thiểu là 10 ngày.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu (đối với đấu thầu rộng rãi không lựa chọn danh sách ngắn) hoặc gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn (đối với đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn) đến ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp cơ quan mua sắm tiếp nhận hồ sơ dự thầu qua mạng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 25 ngày.

3. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 10 ngày nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm thấy rằng thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều này là không khả thi;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa, tương đương nhau về chất lượng và có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng;

c) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản và có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng.

Điều 10. Biện pháp ưu đãi trong nước và lộ trình áp dụng

1. Đối với gói thầu áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước, cơ quan mua sắm có thể sử dụng một hoặc các biện pháp ưu đãi sau đây:

a) Yêu cầu nhà thầu phải chào thầu và cung cấp hàng hóa xuất xứ trong nước đối với những hàng hóa mà trong nước đã sản xuất được và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, giá;

b) Yêu cầu nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước. Trường hợp không đủ điều kiện xác định nhà thầu trong nước không thể tham gia vào bất cứ phần công việc nào của gói thầu, chủ đầu tư có thể thực hiện bước khảo sát sự quan tâm của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia như sau: đăng tải thông báo đề nghị nhà thầu trong nước tham gia kèm theo hồ sơ mời thầu để các nhà thầu trong nước đăng ký một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu mà nhà thầu đó

có thể đảm nhận được trong thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc; hết thời hạn đăng ký, trường hợp không có nhà thầu trong nước đăng ký thì nhà thầu nước ngoài không phải liên danh hoặc sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu trong nước, trong trường hợp này, hồ sơ mời thầu không quy định nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước. Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ, yêu cầu nhà thầu nước ngoài phải nộp bản cam kết kèm theo hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất với nội dung khi trúng thầu sẽ phải sử dụng nhà thầu phụ trong nước thực hiện phần công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

c) Yêu cầu nhà thầu nước ngoài chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu phát triển và các biện pháp ưu đãi khác khi trúng thầu tại Việt Nam;

d) Ưu đãi đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình;

đ) Trường hợp sau khi đánh giá, nhà thầu Việt Nam và nhà thầu nước ngoài được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì ưu tiên nhà thầu Việt Nam được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp áp dụng quy định tại điểm này mà có từ hai nhà thầu Việt Nam trở lên thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Nghị định này;

e) Áp dụng ưu đãi theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và i khoản 1, các điểm a, b, c và d khoản 2 và các điểm a, b, d và đ khoản 3 Điều 10 Luật Đấu thầu và các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan mua sắm xác định gói thầu được áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm phù hợp với lộ trình quy định tại Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA.

3. Trường hợp các quy định khác của Nghị định này không thống nhất với quy định tại Điều này thì áp dụng Điều này.

Điều 11. Ưu đãi đối với hàng hóa, nhà thầu nội khối khi đấu thầu quốc tế

1. Cơ quan mua sắm xem xét, quyết định việc áp dụng ưu đãi đối với nhà thầu nội khối và hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên đối với các gói thầu không áp dụng ưu đãi trong nước quy định tại Điều 10 của Nghị định này. Trường hợp áp dụng ưu đãi thì thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi:

a) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất tại các Nước thành viên chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên;

b) Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, hỗn hợp, đối tượng được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế bao gồm: nhà thầu nội khối tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu nội khối khác; nhà thầu liên danh trong đó có thành viên liên danh là nhà thầu nội khối và thành viên này đảm nhận từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu.

3. Nguyên tắc ưu đãi:

a) Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được áp dụng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

b) Đối với gói thầu hỗn hợp, việc tính ưu đãi căn cứ vào tất cả các đề xuất của nhà thầu trong các phần công việc tư vấn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ xây dựng. Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi có đề xuất tổng chi phí nội khối (chi phí tư vấn, hàng hóa, dịch vụ xây dựng) từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu;

c) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí nội khối cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động nội khối hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả).

4. Việc tính ưu đãi làm cơ sở đánh giá, so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Chương II

HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 12. Đấu thầu rộng rãi

1. Đấu thầu rộng rãi là hình thức trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự.

2. Đấu thầu rộng rãi được áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

Điều 13. Chỉ định thầu

1. Chỉ định thầu là hình thức trong đó cơ quan mua sắm phát hành hồ sơ yêu cầu cho một hoặc một số nhà thầu hoặc gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu

có khả năng thực hiện gói thầu hoặc xác định tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo phương án đặt hàng.

2. Chỉ định thầu được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc gói thầu chỉ có thể được cung cấp từ một nhà thầu và không có hàng hoá, dịch vụ thay thế phù hợp vì một trong các lý do sau đây:

- Yêu cầu đối với một tác phẩm nghệ thuật;
- Bảo hộ quyền đối với sáng chế, bảo hộ quyền tác giả hoặc các hình thức bảo hộ độc quyền khác;
- Không có sự cạnh tranh vì lý do về mặt kỹ thuật của gói thầu;

b) Cần mua bổ sung hàng hoá, dịch vụ từ nhà thầu đã trúng thầu hoặc đại lý được ủy quyền của nhà thầu đó mà hàng hoá, dịch vụ bổ sung không nằm trong phạm vi của gói thầu ban đầu và việc thay đổi nhà thầu không thể thực hiện được vì làm phát sinh đáng kể chi phí cho cơ quan mua sắm nếu áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu khác và phải đáp ứng một hoặc các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tính đồng bộ, tương thích với các thiết bị, phần mềm, dịch vụ sẵn có;
- Yêu cầu về dịch vụ lắp đặt đã mua trong gói thầu trước;
- Do các điều kiện bảo hành của nhà thầu ban đầu;

c) Hàng hoá được mua trên sàn giao dịch hàng hóa;

d) Mua một nguyên mẫu hoặc hàng hoá, dịch vụ đầu tiên dự kiến để thử nghiệm một cách giới hạn hoặc được sản xuất theo yêu cầu của cơ quan mua sắm theo một hợp đồng cụ thể nhằm mục đích nghiên cứu, thử nghiệm hoặc phát triển nguyên bản. Việc phát triển nguyên bản một nguyên mẫu hoặc hàng hoá, dịch vụ đầu tiên có thể bao gồm cả việc sản xuất hoặc cung ứng với quy mô hạn chế để tích hợp kết quả thử nghiệm và để chứng minh rằng nguyên mẫu hoặc hàng hoá, dịch vụ đầu tiên đó phù hợp để sản xuất hoặc cung cấp với số lượng lớn theo các tiêu chuẩn chất lượng có thể chấp nhận được. Hoạt động sản xuất hoặc cung cấp nêu trên không bao gồm việc sản xuất hoặc cung cấp nhằm mục đích thương mại hoặc bù đắp các chi phí nghiên cứu và phát triển. Các gói thầu tiếp theo mua sắm những hàng hoá hoặc dịch vụ mới sản xuất này đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này thì thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

đ) Gói thầu được thực hiện trong các điều kiện đặc biệt thuận lợi và chỉ xuất hiện trong thời gian rất ngắn, như mua sắm từ các hoạt động thanh lý không

theo định kỳ, giải thể, phá sản hay tiếp quản tài sản, nhưng không áp dụng cho việc mua sắm thường xuyên từ các nhà thầu quen thuộc;

e) Gói thầu dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển trong trường hợp việc thi tuyển được tổ chức rộng rãi, bảo đảm các mục tiêu công khai, minh bạch khi tác giả có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật;

g) Trường hợp khẩn cấp do các sự kiện không lường trước được, cơ quan mua sắm không thể kịp thời thực hiện gói thầu nếu áp dụng đấu thầu rộng rãi, bao gồm các gói thầu quy định tại các Điều 78, 84, 106 và 112 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP cần thực hiện gấp, trừ gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 1 của Nghị định này.

Quy trình lựa chọn nhà thầu các gói thầu quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

h) Gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ để giải phóng mặt bằng;

i) Trường hợp khối lượng công việc dịch vụ xây dựng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu nhưng nằm trong mục tiêu của hồ sơ mời thầu, do các tình huống không lường trước được, cần thiết phải được thực hiện để hoàn thành gói thầu dịch vụ xây dựng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, với điều kiện là tổng giá trị phần khối lượng công việc dịch vụ xây dựng phát sinh không vượt quá 50% giá trị hợp đồng ban đầu;

k) Trường hợp đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển nhưng xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển;
- Tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời thầu;
- Tất cả nhà thầu không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm;
- Có sự thông đồng giữa các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu.

Đối với những trường hợp này, cơ quan mua sắm có thể áp dụng chỉ định thầu nhưng phải đảm bảo hồ sơ yêu cầu không thay đổi về bản chất đối với những yêu cầu cơ bản đã nêu trong hồ sơ mời thầu ban đầu.

3. Trường hợp gói thầu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này nhưng chủ đầu tư quyết định không áp dụng hình thức chỉ định thầu thì áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Chương III

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 14. Nguyên tắc chung

Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án, căn cứ, nguyên tắc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đấu thầu trước thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

Điều 15. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Giá gói thầu:

a) Việc xác định giá gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu và Điều 18 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

b) Việc tính toán giá gói thầu nhằm xác định gói thầu có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này hay không phải căn cứ vào tổng giá trị ước tính tối đa của gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện, bao gồm tất cả loại thù lao, phí, lệ phí, hoa hồng, lợi tức hoặc các nguồn thu khác có thể được chi trả theo hợp đồng; trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm thì phải cộng giá trị của tùy chọn mua thêm vào giá gói thầu để so sánh với ngưỡng giá gói thầu nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này.

2. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

a) Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu nội khối hoặc quốc tế, áp dụng hoặc không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng;

b) Đối với dự án áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, ghi theo nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

3. Các nội dung khác trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Chương IV

QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI

Điều 16. Quy trình chi tiết

1. Đấu thầu rộng rãi nội khối được thực hiện qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy trình quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 98 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Đấu thầu rộng rãi quốc tế được thực hiện không qua mạng theo quy trình quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định này, ngoài nhà thầu là tổ chức, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP được tham dự thầu.

Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu

1. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu, nội dung hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng; không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng ký kết thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với cơ quan mua sắm của một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trong lãnh thổ của quốc gia, vùng lãnh thổ đó như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

2. Đối với nội dung công việc xây lắp thuộc gói thầu xây lắp, EC, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật không được đưa ra yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác; trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

3. Quy định về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa:

Trừ trường hợp áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và đấu thầu nội khối theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này, hồ sơ mời thầu không được nêu yêu cầu về xuất xứ cụ thể của hàng hóa. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của

một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

Chương V

QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH THẦU

Điều 18. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

1. Đối với gói thầu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định này, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 79 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 13, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 2 Điều 13 của Nghị định này, quy trình chỉ định thầu được thực hiện như sau:

a) Căn cứ khối lượng công việc phát sinh đã được người có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư mời nhà thầu thực hiện gói thầu ban đầu tham gia thương thảo để thực hiện phần công việc phát sinh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về xây dựng. Chủ đầu tư không phải lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho phần công việc phát sinh này;

b) Việc sửa đổi hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 114 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu ban đầu từ chối thực hiện hoặc không còn đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm để thực hiện phần công việc phát sinh hoặc hai bên không thống nhất về các nội dung thương thảo theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, chủ đầu tư chỉ định nhà thầu khác hoặc tách phần công việc chưa thực hiện thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều 13 của Nghị định này, chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, sửa đổi kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu từ đấu thầu rộng rãi thành chỉ định thầu và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng hình thức chỉ định thầu

thì chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống theo quy định tại Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp có nhiều hơn một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

1. Quy trình này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm d và điểm h khoản 2 Điều 13 của Nghị định này và có nhiều hơn một nhà thầu được chủ đầu tư xác định để nhận hồ sơ yêu cầu. Việc áp dụng chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp chỉ có một nhà thầu được chủ đầu tư xác định để nhận hồ sơ yêu cầu thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định này.

2. Chủ đầu tư xác định, phê duyệt danh sách gồm tối thiểu 03 nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu để nhận hồ sơ yêu cầu. Các nhà thầu có tên trong danh sách nhận hồ sơ yêu cầu không được liên danh với nhau để tham dự thầu.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu thực hiện theo khoản 3 Điều 79 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu có tên trong danh sách được nhận hồ sơ yêu cầu;

b) Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

5. Việc đánh giá và làm rõ hồ sơ đề xuất, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại các Điều 29, 30, 31 và 32 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

6. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định trong hồ sơ yêu cầu.

7. Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

8. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác.

Điều 20. Quy trình chỉ định thầu rút gọn

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 13 của Nghị định này, quy trình chỉ định thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 80 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 13 của Nghị định này, nếu chủ đầu tư không áp dụng quy trình rút gọn quy định tại khoản 1 Điều này mà áp dụng quy trình thông thường thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định này.

Chương VI

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

Điều 21. Xử lý tình huống

1. Trường hợp dự toán được duyệt sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm căn cứ xác định gói thầu có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

2. Trường hợp khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu không thể xác định giá trị ước tính tối đa của một gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện thì gói thầu đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, trừ trường hợp được loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này.

3. Trường hợp đổi tên, chia, tách cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này thì đơn vị mới sau khi đổi tên, chia, tách được coi là thuộc các Phụ lục này.

Trường hợp cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này được sáp nhập, hợp nhất thì gói thầu của đơn vị sau sáp nhập, hợp nhất nhằm mục đích thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trước khi sáp nhập, hợp nhất phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Nghị định này. Đối với gói thầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trước sáp nhập, hợp nhất hoặc triển khai trên địa bàn hành chính của đơn vị trước sáp nhập, hợp nhất mà đơn vị đó không thuộc các Phụ lục này hoặc thuộc các trường hợp được loại trừ theo quy định tại Nghị định này thì gói thầu đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này (sau đây gọi là phần công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh). Trường hợp không thể tách phần công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh thành một gói thầu riêng mà hình thành gói thầu bao gồm phần công việc không thuộc phạm vi điều chỉnh và phần công việc thuộc phạm vi điều chỉnh thì phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định này..

Trường hợp đơn vị trực thuộc cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục kèm theo Nghị định này được chuyển sang cơ quan khác quản lý, đơn vị đó vẫn thuộc các Phụ lục này.

4. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này nhưng xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu trên cơ sở phù hợp với Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA.

5. Ngoài trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống theo quy định tại Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan

1. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm:

a) Công bố ngưỡng giá gói thầu áp dụng Nghị định này tính theo đồng Việt Nam trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Cung cấp thông tin cho các Nước thành viên theo quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA;

c) Ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu;

d) Hướng dẫn thực hiện các nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

2. Bộ Y tế chịu trách nhiệm:

Hướng dẫn thực hiện việc đấu thầu thuốc theo quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA.

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp với quy định của Nghị định này thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu cho phù hợp.

2. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ

mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng có thời điểm đóng thầu sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa đến thời điểm đóng thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp hoặc trái với quy định của Nghị định này thì phải sửa đổi cho phù hợp. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu.

3. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len và Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu).

4. Đấu thầu rộng rãi nội khối qua mạng được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến ngày 01 tháng 01 năm 2027, chủ đầu tư vận dụng các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 20/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 21/2022/TT-BKHĐT trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Nghị định này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn liên quan nhưng đảm bảo không trái với quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định

UKVFTA. Đối với các nội dung quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP có quy định khác với các quy định tại Nghị định này thì áp dụng Nghị định này.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len và Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu) hết hiệu lực thi hành.